ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 981 /QĐ-UBND	*Phú Thọ, ngày 04 tháng 5 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xếp loại đường tỉnh để xác định giá cước vận tải đường bộ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Quyết định số 32/2005/QĐ-BGTVT ngày 17/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành quy định về xếp loại đường để xác định giá cước vận tải đường bộ;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải (công văn số 518/SGTVT-QLKCHTGT ngày 30/3/2017),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xếp loại đường tỉnh để xác định giá cước vận tải đường bộ trên địa bàn tỉnh (chi tiết tại phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn việc xếp loại đường giao thông để tính giá cước vận tải đường bộ theo quy định; trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, Sở Giao thông vận tải tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

- UBND các huyện, thị, thành thực hiện xếp loại đối với các tuyến đường thuộc thẩm quyền quản lý để làm cơ sở xác định giá cước vận tải đường bộ theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành; UBND các huyện, thành, thị; các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ quyết định thực hiện, quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế những quy định trước đây mà trái với nội dung quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Hải

PHỤ LỤC: XẾP LOẠI ĐƯỜNG TỈNH ĐỂ XÁC ĐỊNH GIÁ CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ

(kèm theo quyết định số: 981/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2017 của UBND tỉnh)

Số TT	Tên đường	Chiều dài (km)	Từ km - km	Loại 1 (km)	Loại 2 (km)	Loại 3 (km)	Loại 4 (km)	Loại 5 (km)	Loại 6 (km)	Ghi chú
1	313	18.0	0 - 18			18.0				
2	313B	9.0	0 - 9				9.0			
3	313C	22.0	0 - 5						5.0	
			5 - 22					17.0		
4	313D	27.0	0 - 27					27.0		
5	314	46.0	0 - 16			16.0				
			16 - 46						30.0	
6	314B	9.0	0 - 9			9.0				
7	314C	6.0	0 - 6			6.0				
8	315	35.0	0 - 12				12.0			
			12 - 35						23.0	
9	315B	7.0	0 - 7					7.0		
10	316	24.0	0 - 12			12.0				
			12 - 24					12.0		
11	316B	9.0	0 - 9						9.0	Đang thi công xây dựng.
12	316C	29.0	0 - 5						5.0	
			5 - 10			5.0				
			10 - 29					19.0		
13	316D	11.0	0 - 11					11.0		
14	316E	17.0	0 - 17					17.0		

15	316G	15.0	0 - 5					5.0		
			5 - 15				10.0			
16	316H	15.0	0 - 15					15.0		
17	316I	17.0	0 - 17					17.0		
18	317	30.0	0 - 30			30.0				
19	317B	8.0	0 - 8					8.0		
20	317C	9.0	0 - 9					9.0		
21	318	12.0	0 - 12						12.0	Đang thi công xây dựng.
22	319	18.0	0 - 18					18.0		
23	320	85.0	0 - 15		15.0					
			15 - 20				5.0			
			20 - 33					13.0		
			33 - 68			35.0				
			68 - 85					17.0		
24	320B	6.0	0 - 6				6.0			
25	320C	10.0	0 - 10			10.0				
26	320D	12.0	0 - 12						12.0	
27	320E	4.0	0 - 4			4.0				
28	321	15.0	0 - 15					15.0		
29	321B	12.0	0 - 12					12.0		
30	321C	16.0	0 - 16				16.0			
31	322	18.0	0 - 5				5.0			
			5 - 18						13.0	
32	323	72.0	0 - 58			58.0				
			58 - 72				14.0			
33	323B	6.0	0 - 6				6.0			
34	323C	10.0	0 - 10			10.0				

35	323D	10.0	0 - 10						10.0	Đang thi công xây dựng.
36	323E	8.0	0 - 8			8.0				
37	323G	9.0	0 - 9					9.0		
38	323H	5.0	0 - 5					5.0		
39	323I	12.0	0 - 12					12.0		
40	324	12.0	0 - 5			5.0				
			5 - 12				7.0			
41	324B	6.0	0 - 6				6.0			
42	325	5.0	0 - 5			5.0				
43	325B	7.0	0 - 7			7.0				